

Số: /TB-HĐTD

Hòa Cường, ngày tháng năm 2025

## THÔNG BÁO

**Danh sách thí sinh đủ điều kiện dự tuyển vòng 2 và một số nội dung về kỳ tuyển dụng hợp đồng lao động giáo viên các trường Mầm non và THCS công lập thuộc UBND phường Hòa Cường, năm học 2025 - 2026**

Căn cứ Kế hoạch số 771/KH-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2025 của UBND phường Hòa Cường về việc tuyển dụng hợp đồng lao động giáo viên mầm non, tiểu học và trung học cơ sở công lập thuộc UBND phường Hòa Cường năm học 2025-2026, Hội đồng tuyển dụng hợp đồng giáo viên năm học 2025-2026 (gọi là Hội đồng tuyển dụng hợp đồng) thông báo một số nội dung sau:

### I. DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

(Phụ lục danh sách kèm theo)

Hội đồng tuyển dụng hợp đồng đề nghị thí sinh kiểm tra lại toàn bộ thông tin trong danh sách. Trường hợp thông tin chưa chính xác, thí sinh vui lòng phản ánh đến Phòng Văn hóa - Xã hội phường Hòa Cường (qua số điện thoại: 0931.910.549) chậm nhất đến hết ngày 27/8/2025 để được điều chỉnh. Sau thời gian này, Hội đồng tuyển dụng hợp đồng không giải quyết các đề nghị có liên quan về điều chỉnh thông tin cá nhân.

### II. MỘT SỐ NỘI DUNG LIÊN QUAN

1. Thời gian tổ chức tuyển dụng: 13 giờ 30 phút, ngày 29 tháng 8 năm 2025 (thứ Sáu). Thí sinh phải có mặt tại địa điểm tuyển dụng trước 30 phút để làm thủ tục dự thi.

2. Địa điểm tổ chức tuyển dụng: Trường THCS Tây Sơn. Địa chỉ: số 149 đường Núi Thành, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng.

#### 3. Về nội dung kiến thức

- Nội dung kiến thức: từ đầu năm học đến hết học kì I.

- Tài liệu môn thi nghiệp vụ chuyên ngành như sau:

a) Đối với tuyển dụng hợp đồng giáo viên Mầm non

Nội dung kiến thức: Kiểm tra thực hành kiến thức, kỹ năng về cách tổ chức 01 hoặc 01 số hoạt động giáo dục trong 01 tiết lên lớp theo yêu cầu của đề thi, thuộc một trong các lĩnh vực sau: Phát triển Thẩm mỹ, Ngôn ngữ, Nhận thức, Thể chất độ tuổi Mẫu giáo Bé 3-4 tuổi.

## b) Đối với tuyển dụng hợp đồng giáo viên Tiểu học

| <b>TT</b> | <b>Tên sách</b>          | <b>Tên tác giả</b>                                                                                                                | <b>Nhà xuất bản</b> | <b>Thuộc bộ sách</b>           |
|-----------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------|
| 1         | Toán 3,<br>Tập một       | Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.    | Giáo dục Việt Nam   | Kết nối tri thức với cuộc sống |
| 2         | Tiếng Việt 3,<br>Tập một | Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên kiêm chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phượng. | Giáo dục Việt Nam   | Kết nối tri thức với cuộc sống |
| 3         | Tin học 3                | Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên), Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Chí Trung, Kiều Phương Thủy.                           | Đại học sư phạm     | Cánh diều                      |

## c) Đối với tuyển dụng hợp đồng giáo viên Trung học cơ sở

| <b>TT</b> | <b>Tên sách</b>                | <b>Tên tác giả</b>                                                                                                                                                                         | <b>Nhà xuất bản</b> | <b>Thuộc bộ sách</b>           |
|-----------|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------|
| 1         | Toán 7,<br>Tập một             | Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng. | Giáo dục Việt Nam   | Kết nối tri thức với cuộc sống |
| 2         | Ngữ văn 7,<br>Tập một          | Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Trà My, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương.            | Giáo dục Việt Nam   | Kết nối tri thức với cuộc sống |
| 3         | Tiếng Anh 7,<br>Global Success | Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Lương Quỳnh Trang, Nguyễn Quốc Tuấn.                                        | Giáo dục Việt Nam   |                                |

|   |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                   |                                |
|---|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------------------|
| 4 | KHTN 7              | Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Mai Văn Hưng, Lê Kim Long, Bùi Gia Thịnh (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Tuấn Cường, Trần Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Bích Ngọc, Phạm Thị Phú, Vũ Trọng Rỹ, Mai Thị Tình, Vũ Thị Minh Tuyền.                                                                                                                                                       | Giáo dục Việt Nam | Kết nối tri thức với cuộc sống |
| 5 | Lịch sử và Địa lý 7 | Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Nguyễn Thị Côi, Vũ Văn Quân (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Phạm Đức Anh, Phạm Thị Thanh Huyền, Đặng Hồng Sơn, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Đình Giang, Phạm Thị Thu Phương (đồng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Thị Thu Hiền, Đặng Thị Huệ, Phí Công Việt. | Giáo dục Việt Nam | Kết nối tri thức với cuộc sống |
| 6 | Tin học 7           | Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Bùi Việt Hà, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai.                                                                                                                                                                                                                                                                     | Giáo dục Việt Nam | Kết nối tri thức với cuộc sống |
| 7 | GDCD 7              | Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Thọ.                                                                                                                                                                                                                                                    | Giáo dục Việt Nam | Kết nối tri thức với cuộc sống |
| 8 | Âm nhạc 7           | Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Lê Thị Tuyết, Nguyễn Thị Thanh Vân.                                                                                                                                                                                                                                                               | Giáo dục Việt Nam | Kết nối tri thức với cuộc sống |
| 9 | Mĩ thuật 7          | Nguyễn Thị Nhung (Tổng chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Nguyễn Đức Giang, Võ Thị Nguyên, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.                                                                                                                                                                                                                                    | Giáo dục Việt Nam | Chân trời sáng tạo 1           |

|    |                                                             |                                                                                                                                                                |                   |                      |
|----|-------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------|
| 10 | Giáo dục thể chất 7                                         | Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc (Chủ biên), Nguyễn Ngọc Tuấn, Nguyễn Xuân Trãi, Đặng Thị Thu Thủy.                                                    | Đại học sư phạm   | Cánh diều            |
| 11 | Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7 (dùng cho thi GV TPT) | Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên (Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Trần Bảo Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn. | Giáo dục Việt Nam | Chân trời sáng tạo 1 |

#### 4. Hình thức tổ chức thi

- Hình thức thi: Vấn đáp;
- Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, kỹ năng về cách tổ chức một hoặc một số hoạt động giáo dục trong 01 tiết lên lớp theo yêu cầu của đề thi;
- Thời gian thi: tối đa 15 phút (thí sinh có thời gian không quá 15 phút để chuẩn bị nội dung trình bày).
- Thang điểm: 100 điểm.
- Không thực hiện phúc khảo đối với kết quả thi thực hành.

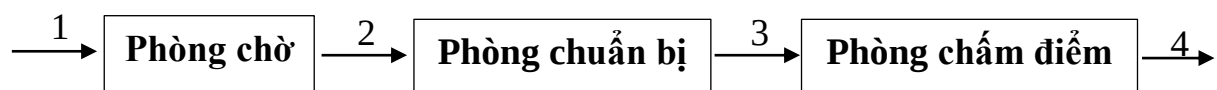
#### 5. Danh sách phòng thi, thời gian thi của từng vị trí

Danh sách thí sinh theo số báo danh, theo phòng thi, sơ đồ vị trí các phòng thi, nội quy, hình thức, thời gian thi đối với từng vị trí thi, Hội đồng tuyển dụng hợp đồng sẽ niêm yết tại địa điểm tổ chức thi và đăng trên Trang thông tin điện tử của UBND phường Hòa Cường vào ngày 28 tháng 8 năm 2025.

#### 6. Về cách thức thi

Thí sinh trình bày (thuyết trình) trước tổ chấm điểm của Tổ kiểm tra, sát hạch về cách thức tổ chức một hoặc một số hoạt động giáo dục trong một tiết lên lớp theo yêu cầu của đề thi (thí sinh không đóng vai giáo viên giảng bài trước tổ chấm điểm giống như giảng bài trước học sinh). Thí sinh có thể vừa trình bày vừa có thể minh họa trên bảng đen tại các phòng học được bố trí làm phòng thi (các đề mục, hình vẽ, sơ đồ...) phù hợp với nội dung trình bày của mình.

Quy trình thi thực hành của thí sinh tại các phòng thể hiện theo sơ đồ sau:



(1) Thí sinh vào Phòng chờ đầu buổi thi;

(2) Thí sinh vào Phòng chuẩn bị bốc thăm nhận đề thi, chuẩn bị nội dung trình bày trong thời gian 15 phút;

(3) Thí sinh đến Phòng chấm điểm để trình bày phần thi thực hành;

(4) Thí sinh ra về.

### **7. Một số lưu ý đối với thí sinh**

a) Phải có mặt tại phòng thi đúng giờ quy định. Trang phục gọn gàng, văn minh, lịch sự. Trường hợp thí sinh dự thi đến chậm quá 05 phút tính từ khi có hiệu lệnh vào Phòng chờ thì không được dự thi.

b) Xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc một trong các loại giấy tờ tùy thân hợp pháp khác có dán ảnh để giám thị đối chiếu.

c) Chỉ được mang vào phòng thi thước kẻ, bút viết; không được mang vào phòng thi điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính, các phương tiện kỹ thuật thu, phát truyền tin, phương tiện sao lưu dữ liệu, thiết bị chứa đựng, truyền tải thông tin khác và các loại giấy tờ, tài liệu có liên quan đến nội dung thi (trừ sách giáo khoa theo quy định).

d) Thí sinh chỉ chuẩn bị các nội dung theo yêu cầu của đề thi trên Phiếu dự thi do giám thị phát và phải ghi đầy đủ các mục quy định.

đ) Tuân thủ mọi hướng dẫn của giám thị; giữ trật tự và không được hút thuốc hoặc sử dụng chất kích thích trong quá trình thi.

e) Không được trao đổi với người khác kể từ khi vào Phòng chờ. Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, truyền tải thông tin có liên quan đến đề thi ra ngoài phòng thi hoặc nhận thông tin từ ngoài vào phòng thi.

g) Nếu cần hỏi điều gì, phải hỏi công khai giám thị phòng thi.

h) Không được ra khỏi Phòng chuẩn bị và Phòng chấm điểm. Trường hợp nhất thiết phải ra khỏi phòng thi phải được Trưởng ban coi thi xem xét, giải quyết.

i) Ngừng chuẩn bị, trình bày nội dung thi khi giám thị tuyên bố hết thời gian quy định. Nộp lại các loại giấy tờ liên quan đến kỳ thi theo yêu cầu trước khi ra về.

Trên đây là Thông báo danh sách thí sinh đủ điều kiện dự tuyển và một số nội dung tuyển dụng hợp đồng lao động giáo viên các trường mầm non và trung học cơ sở công lập thuộc UBND phường Hòa Cường năm học 2025-2026./.

#### **Nơi nhận:**

- CT, PCT HĐTD;
- Trang Thông tin điện tử phường;
- Các trường MN, TH, THCS công lập;
- Lưu: VT, HĐTD.

**TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG  
Trương Thanh Dũng**

UBND PHƯỜNG HÒA CƯỜNG  
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG  
HỢP ĐỒNG GIÁO VIÊN  
NĂM HQC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục I  
DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ TUYỂN DỤNG HỢP ĐỒNG GIÁO VIÊN TẠI CÁC TRƯỜNG CÔNG LẬP  
THUỘC UBND PHƯỜNG HÒA CƯỜNG NĂM HQC 2025 - 2026  
**BẠC: MẦM NON**

(Kèm theo Thông báo số:     /TB-HĐTD ngày     tháng     năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng hợp đồng giáo viên phường Hòa Cường)

| STT | Số<br>báo<br>danh | Họ và tên               | Ngày tháng<br>năm sinh | Giới<br>tính | Hộ khẩu thường trú                         | Vị trí đăng ký dự<br>tuyển | Trình độ<br>đào tạo | Chuyên ngành đào<br>tạo | Chứng chỉ<br>nghệ nghiệp vụ<br>sư phạm | Đối<br>tượng<br>ưu tiên | Ghi chú |
|-----|-------------------|-------------------------|------------------------|--------------|--------------------------------------------|----------------------------|---------------------|-------------------------|----------------------------------------|-------------------------|---------|
| 1   | 001               | Nguyễn Thị Ngọc Ánh     | 04/10/1992             | Nữ           | Tổ 29, Thanh Khê, Đà Nẵng                  | Giáo viên Mầm non          | Đại học             | Giáo dục Mầm non        |                                        |                         |         |
| 2   | 002               | Đặng Thị Thanh Hằng     | 15/05/1998             | Nữ           | Tổ 9, Cẩm Toại Trung, Hòa Vang, Đà Nẵng    | Giáo viên Mầm non          | Đại học             | Giáo dục Mầm non        |                                        |                         |         |
| 3   | 003               | Trần Thị Phương Hạnh    | 18/11/1986             | Nữ           | CCQKV, Hoà Cường, Đà Nẵng                  | Giáo viên Mầm non          | Cao Đẳng            | Giáo dục Mầm non        |                                        |                         |         |
| 4   | 004               | Hà Thị Hòa              | 13/10/2003             | Nữ           | K129/08 Phạm Như Xương, Hòa Khánh, Đà Nẵng | Giáo viên Mầm non          | Đại học             | Giáo dục Mầm non        |                                        |                         |         |
| 5   | 005               | Nguyễn Khải Huyền       | 16/03/2001             | Nữ           | 29/1 Hà Huy Tập, Đà Nẵng                   | Giáo viên Mầm non          | Đại học             | Giáo dục Mầm non        |                                        |                         |         |
| 6   | 006               | Nguyễn Thảo Ly          | 19/09/2003             | Nữ           | Làng Núi, xã IaNan, tỉnh Gia Lai           | Giáo viên Mầm non          | Đại học             | Giáo dục Mầm non        |                                        |                         |         |
| 7   | 007               | Phạm Thị Oanh           | 20/8/1990              | Nữ           | Cẩm lệ, Đà Nẵng                            | Giáo viên Mầm non          | Cao Đẳng            | Giáo dục Mầm non        |                                        |                         |         |
| 8   | 008               | Nguyễn Thị Hoàng Phi    | 11/08/2003             | Nữ           | 572/8 đường 2/9, Hòa Cường, Đà Nẵng        | Giáo viên Mầm non          | Đại học             | Giáo dục Mầm non        |                                        |                         |         |
| 9   | 009               | Nguyễn Thị Thanh Phương | 11/08/1986             | Nữ           | Tổ 10 phường An Khê, Đà Nẵng               | Giáo viên Mầm non          | Cao Đẳng            | Giáo dục Mầm non        |                                        |                         |         |
| 10  | 010               | Lê Thị Anh Thư          | 08/05/2003             | Nữ           | 119 Nguyễn Kim, Hòa Xuân, Đà Nẵng          | Giáo viên Mầm non          | Đại học             | Giáo dục Mầm non        |                                        |                         |         |

| STT | Số<br>báo<br>danh | Họ và tên            | Ngày tháng<br>năm sinh | Giới<br>tính | Hộ khẩu thường trú                   | Vị trí đăng ký dự<br>tuyển | Trình độ<br>đào tạo | Chuyên ngành đào<br>tạo | Chứng chỉ<br>nghề nghiệp vụ<br>sư phạm | Đối<br>tượng<br>ưu tiên | Ghi chú |
|-----|-------------------|----------------------|------------------------|--------------|--------------------------------------|----------------------------|---------------------|-------------------------|----------------------------------------|-------------------------|---------|
| 11  | 011               | Nguyễn Thị Thương    | 01/01/1981             | Nữ           | Tổ 2, Bắc An, Đà Nẵng                | Giáo viên Mầm non          | Cao Đẳng            | Giáo dục Mầm non        |                                        |                         |         |
| 12  | 012               | Nguyễn Thị Thu Thủy  | 07/01/1997             | Nữ           | Hải Châu, Đà Nẵng                    | Giáo viên Mầm non          | Đại học             | Giáo dục Mầm non        |                                        |                         |         |
| 13  | 013               | Trần Thị Trang       | 12/11/1994             | Nữ           | 48 Sơn Thủy 2, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng | Giáo viên Mầm non          | Đại học             | Giáo dục Mầm non        |                                        |                         |         |
| 14  | 014               | Nguyễn Thị Tú Trinh  | 20/12/2003             | Nữ           | K266H35/74 Hoàng Diệu, Đà Nẵng       | Giáo viên Mầm non          | Đại học             | Giáo dục Mầm non        |                                        |                         |         |
| 15  | 015               | Nguyễn Phạm Thanh Tú | 28/08/2003             | Nữ           | Thôn Xuân Tây, Xã Phú Thuận, Đà Nẵng | Giáo viên Mầm non          | Đại học             | Giáo dục Mầm non        |                                        |                         |         |
| 16  | 016               | Nguyễn Lâm Tường Vy  | 11/01/2000             | Nữ           | Thôn An Thọ, Tây Hồ, Đà Nẵng         | Giáo viên Mầm non          | Đại học             | Giáo dục Mầm non        |                                        |                         |         |

Danh sách này có tổng cộng 16 người./.

UBND PHƯỜNG HÒA CƯỜNG  
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG  
HỢP ĐỒNG GIÁO VIÊN  
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục II  
DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ TUYỂN DỤNG HỢP ĐỒNG GIÁO VIÊN TẠI CÁC TRƯỜNG CÔNG LẬP  
THUỘC UBND PHƯỜNG HÒA CƯỜNG NĂM HỌC 2025 - 2026  
BẬC: TIỂU HỌC

(Kèm theo Thông báo số: /TB-HĐTD ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng hợp đồng giáo viên phường Hòa Cường)

| STT | Số báo danh       | Họ và tên             | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu thường trú                     | Vị trí đăng ký dự tuyển | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành đào tạo | Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm | Đối tượng ưu tiên | Ghi chú |
|-----|-------------------|-----------------------|---------------------|-----------|----------------------------------------|-------------------------|------------------|----------------------|-----------------------------|-------------------|---------|
| I   | GIÁO VIÊN VĂN HÓA |                       |                     |           |                                        |                         |                  |                      |                             |                   |         |
| 1   | 001               | Mã Thị Lan Anh        | 19/07/2003          | Nữ        | IaDok, Gia Lai                         | Giáo viên Văn hóa       | Đại học          | Giáo dục Tiểu học    |                             |                   |         |
| 2   | 002               | Tôn Nữ Gia Bảo        | 30/10/2002          | Nữ        | K36/21 Quang Trung, Hải Châu, Đà Nẵng  | Giáo viên Văn hóa       | Đại học          | Giáo dục Tiểu học    |                             |                   |         |
| 3   | 003               | Dương Thị Như Bình    | 06/11/2001          | Nữ        | 183/03 Hoàng Diệu, Đà Nẵng             | Giáo viên Văn hóa       | Đại học          | Giáo dục Tiểu học    |                             |                   |         |
| 4   | 004               | Trần Thị Kim Chi      | 02/03/2003          | Nữ        | 31/54 Nguyễn Như Đãi, Cẩm Lệ, Đà Nẵng  | Giáo viên Văn hóa       | Đại học          | Giáo dục Tiểu học    |                             |                   |         |
| 5   | 005               | Huỳnh Thị Ánh Cúc     | 12/9/2003           | Nữ        | 04 Nguyễn Quang Lâm, Hòa Xuân, Đà Nẵng | Giáo viên Văn hóa       | Đại học          | Giáo dục Tiểu học    |                             |                   |         |
| 6   | 006               | Hồ Hưng Đáng          | 10/05/1991          | Nữ        | 325 Phan Châu Trinh, Đà Nẵng           | Giáo viên Văn hóa       | Đại học          | Giáo dục Tiểu học    |                             |                   |         |
| 7   | 007               | Đỗ Thị Thúy Diệu      | 10/05/2003          | Nữ        | Thôn Xuân Bò, Xã Lệ Thủy, Quảng Trị    | Giáo viên Văn hóa       | Đại học          | Giáo dục Tiểu học    |                             |                   |         |
| 8   | 008               | Nguyễn Thúy Thùy Dung | 18/5/2003           | Nữ        | Tôn Giáng Nam, Hòa Xuân, Đà Nẵng       | Giáo viên Văn hóa       | Đại học          | Giáo dục Tiểu học    |                             |                   |         |
| 9   | 009               | Phan Thị Thùy Dung    | 24/6/2003           | Nữ        | Hòa Xuân, Đà Nẵng                      | Giáo viên Văn hóa       | Đại học          | Giáo dục Tiểu học    |                             |                   |         |
| 10  | 010               | Bùi Thị Thu Dung      | 07/01/2002          | Nữ        | K93/10 Nguyễn Công Hoan, Đà Nẵng       | Giáo viên Văn hóa       | Đại học          | Giáo dục Tiểu học    |                             |                   |         |



| STT | Số<br>báo<br>danh | Họ và tên              | Ngày tháng<br>năm sinh | Giới<br>tính | Hộ khẩu thường trú                            | Vị trí đăng ký dự<br>tuyển | Trình độ<br>đào tạo | Chuyên ngành đào<br>tạo | Chứng chỉ<br>nghệ thuật<br>sư phạm | Đối<br>tượng<br>ưu tiên | Ghi chú |
|-----|-------------------|------------------------|------------------------|--------------|-----------------------------------------------|----------------------------|---------------------|-------------------------|------------------------------------|-------------------------|---------|
| 11  | 011               | Nguyễn Thị Ngọc Dung   | 10/02/1996             | Nữ           | 32/16 Thanh Tân, phường Thanh Khê, TP Đà Nẵng | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 12  | 012               | Trần Quỳnh Giao        | 15/01/2003             | Nữ           | K123/H83/32 Cù Chính Lan, Đà Nẵng             | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 13  | 013               | Trần Thu Hà            | 05/08/2003             | Nữ           | Tổ 2, thôn Quang Châu, Đà Nẵng                | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 14  | 014               | Trương Hoàng Khả Hân   | 06/06/2000             | Nữ           | 26 Hoàng Đạo Thúy, Cẩm Lệ, Đà Nẵng            | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 15  | 015               | Nguyễn Thị Thu Hiền    | 04/08/2003             | Nữ           | Tổ 2, Yên Nê 1, Xã Hòa Tiến, Đà Nẵng          | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 16  | 016               | Hồ Thị Hải Hiếu        | 01/04/2003             | Nữ           | Tổ 103, phường Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng          | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 17  | 017               | Lê Thị Thu Hoài        | 04/08/2003             | Nữ           | 100 Nguyễn Lương Bằng, Liên Chiểu, Đà Nẵng    | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 18  | 018               | Đặng Thị Mỹ Huệ        | 22/05/1993             | Nữ           | Tổ 17 Thanh Khê, Đà Nẵng                      | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 19  | 019               | Đặng Hà Minh Huyền     | 05/03/2003             | Nữ           | 01 Cổ Mân, Sơn Trà, Đà Nẵng                   | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 20  | 020               | Đặng Thị Ngọc Huyền    | 14/85/2002             | Nữ           | K45/14 Phan Tứ, Đà Nẵng                       | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 21  | 021               | Lê Nguyễn Thụy Như     | 01/12/1997             | Nữ           | Tổ 17HCN, phường Hòa Cường, Đà Nẵng           | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 22  | 022               | Nguyễn Hồ Diệu Khanh   | 09/06/1998             | Nữ           | 169/14 Phan Thanh, Thanh Khê, Đà Nẵng         | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 23  | 023               | Huỳnh Thị Hoàng Khuyên | 22/6/2002              | Nữ           | 78 Đô Đốc Lộc, Hòa Xuân                       | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 24  | 024               | Đặng Thị Ngọc Lan      | 03/01/1997             | Nam          | 47 Mẹ Nhu, phường Thanh Khê, TP Đà Nẵng       | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 25  | 025               | Phan Đình Thùy Linh    | 14/11/2003             | Nữ           | Thôn Cẩm Nê, Xã Hòa Tiến, Đà Nẵng             | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |

| STT | Số<br>báo<br>danh | Họ và tên            | Ngày tháng<br>năm sinh | Giới<br>tính | Hộ khẩu thường trú                        | Vị trí đăng ký dự<br>tuyển | Trình độ<br>đào tạo | Chuyên ngành đào<br>tạo | Chứng chỉ<br>nghệ thuật<br>sư phạm | Đối<br>tượng<br>ưu tiên | Ghi chú |
|-----|-------------------|----------------------|------------------------|--------------|-------------------------------------------|----------------------------|---------------------|-------------------------|------------------------------------|-------------------------|---------|
| 26  | 026               | Trần Thị Mỹ Linh     | 16/04/2003             | Nữ           | Tổ 4, thôn Quang Châu, Đà Nẵng            | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 27  | 027               | Nguyễn Trần Mỹ Linh  | 25/08/2003             | Nữ           | K25/30 Nguyễn Nhân, Cẩm Lệ, Đà Nẵng       | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 28  | 028               | Nguyễn Thị Lộc       | 04/10/2003             | Nữ           | K408/H39/4 Hoàng Diệu, Hòa Cường, Đà Nẵng | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 29  | 029               | Huỳnh Thị Thu Luyến  | 19/2/2003              | Nữ           | Hòa Khánh, Đà Nẵng                        | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 30  | 030               | Nguyễn Tuyết Mai     | 18/01/2003             | Nữ           | Thôn Giáng Đông, Hòa Xuân, Đà Nẵng        | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 31  | 031               | Nguyễn Thị Hằng My   | 30/12/2003             | Nữ           | Tổ 1, thôn Nam Thành, Hòa Vang, Đà Nẵng   | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 32  | 032               | Phạm Thị Tiểu My     | 04/9/1998              | Nữ           | K99/6 Hàn Mặc Tử, Hải Châu, Đà Nẵng       | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 33  | 033               | Nguyễn Thị Vy Na     | 17/2/2003              | Nữ           | Hòa Vang, Đà Nẵng                         | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 34  | 034               | Phan Ly Na           | 15/11/2003             | Nữ           | 227 Hoàng Đình Ái, Đà Nẵng                | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 35  | 035               | Lê Thị Na            | 26/7/2003              | Nữ           | Thôn 1, Thanh Bình, Đà Nẵng               | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 36  | 036               | Ngô Thị Thu Nguyệt   | 12/09/1997             | Nữ           | 82 Nguyễn Hữu Thọ, Đà Nẵng                | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 37  | 037               | Lê Thị Duy Nhất      | 02/10/2003             | Nữ           | Hòa tiến, Đà Nẵng                         | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 38  | 038               | Nguyễn Thảo Nhi      | 10/12/2003             | Nữ           | La Bông, Hòa Tiến, Đà Nẵng                | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 39  | 039               | Ngô Thị Ngọc Ny      | 23/11/2003             | Nữ           | Tổ 3, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng               | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 40  | 040               | Huỳnh Thị Hoàng Oanh | 04/04/2003             | Nữ           | K34/4 Lê Văn Thứ, Sơn Trà                 | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |

| STT | Số<br>báo<br>danh | Họ và tên             | Ngày tháng<br>năm sinh | Giới<br>tính | Hộ khẩu thường trú                            | Vị trí đăng ký dự<br>tuyển | Trình độ<br>đào tạo | Chuyên ngành đào<br>tạo | Chứng chỉ<br>nghệ thuật<br>sư phạm | Đối<br>tượng<br>ưu tiên | Ghi chú |
|-----|-------------------|-----------------------|------------------------|--------------|-----------------------------------------------|----------------------------|---------------------|-------------------------|------------------------------------|-------------------------|---------|
| 41  | 041               | Trần Thị Hoàng Phụng  | 10/03/1992             | Nữ           | Thạch Nham Đông, Bà Nà, Đà Nẵng               | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 42  | 042               | Huỳnh Thị Ngọc Sương  | 06/05/2003             | Nữ           | Xã Tiên Phước, TP Đà Nẵng                     | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 43  | 043               | Võ Thị Minh Tâm       | 30/04/2003             | Nữ           | Hòa Tiến, Hòa Vang, Đà Nẵng                   | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 44  | 044               | Trần Cao Bích Thảo    | 19/08/2000             | Nữ           | Tổ 2, Ngõ Mây, An Khê, Gai Lai                | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 45  | 045               | Lê Thị Thu Thảo       | 19/06/2003             | Nữ           | Phường Hương Thủy, TP Huế                     | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 46  | 046               | Trần Thị Anh Thư      | 01/01/2003             | Nữ           | 86 Nguyễn Mậu Tài, Hòa Xuân, Đà Nẵng          | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 47  | 047               | Đỗ Anh Thư            | 10/04/2003             | Nữ           | 05 Đông Lợi 4, An Khê, Đà Nẵng                | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 48  | 048               | Nguyễn Thị Minh Thư   | 07/05/2003             | Nữ           | 102 Nguyễn Công Hoan, Đà Nẵng                 | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 49  | 049               | Nguyễn Thị Bích Thuận | 16/07/2003             | Nữ           | Xã Tiên Phước, TP Đà Nẵng                     | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 50  | 050               | Lê Thị Thanh Thủy     | 24/12/2003             | Nữ           | 48 Bình Hòa 15, Cẩm Lệ                        | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 51  | 051               | Phan Thị Bảo Trâm     | 29/1/1995              | Nữ           | 47 Hoàng Thúc Trâm, Hòa Cường, Đà Nẵng        | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 52  | 052               | Võ Thị Thùy Trang     | 03/05/2003             | Nữ           | 119 Hồ Biểu Chánh, Hòa Cường, Đà Nẵng         | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 53  | 053               | Hoàng Lê Huyền Trang  | 06/05/2003             | Nữ           | Tổ 5 phường Thành Len, Hà Tĩnh                | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 54  | 054               | Dương Thị Hoài Trang  | 12/12/2003             | Nữ           | K615/14 Tôn Đản, phường An Khê, Đà Nẵng       | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 55  | 055               | Nguyễn Thị Thùy Trinh | 10/05/2000             | Nữ           | 104/H6/17 Y Lan Nguyễn Phi Hòa Cường, Đà Nẵng | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |

| STT       | Số<br>báo<br>danh        | Họ và tên               | Ngày tháng<br>năm sinh | Giới<br>tính | Hộ khẩu thường trú                        | Vị trí đăng ký dự<br>tuyển | Trình độ<br>đào tạo | Chuyên ngành đào<br>tạo | Chứng chỉ<br>nghệ thuật<br>sư phạm | Đối<br>tượng<br>ưu tiên | Ghi chú |
|-----------|--------------------------|-------------------------|------------------------|--------------|-------------------------------------------|----------------------------|---------------------|-------------------------|------------------------------------|-------------------------|---------|
| 56        | 056                      | Nguyễn Trịnh Ngọc Trinh | 13/10/2003             | Nữ           | Xã Hà Nha, Đà Nẵng                        | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 57        | 057                      | Nguyễn Thanh Trúc       | 03/05/2003             | Nữ           | 12 Lỗ Giáng 24, Hòa Xuân,<br>Đà Nẵng      | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 58        | 058                      | Nguyễn Tài Tuệ          | 30/9/2003              | Nữ           | 63/3 Phạm Văn Nghị, Thanh<br>Khê, Đà Nẵng | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 59        | 059                      | Lê Trần Thảo Uyên       | 09/07/2003             | Nữ           | 67 Lê Duy Lương, An Khê,<br>Đà Nẵng       | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 60        | 060                      | Ngô Thị Thu Vang        | 17/06/1994             | Nữ           | 235 Nguyễn Hồng Ánh, Đà<br>Nẵng           | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| 61        | 061                      | Hà Yến Vy               | 23/08/2003             | Nữ           | Thuận Yên, Tân Phú, Nghệ<br>An            | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Giáo dục Tiểu học       |                                    |                         |         |
| <b>II</b> | <b>GIÁO VIÊN TIN HỌC</b> |                         |                        |              |                                           |                            |                     |                         |                                    |                         |         |
| 62        | 062                      | Phan Thị Cẩm Tú         | 09/09/2003             | Nữ           | Tổ 37 Anh Khê, Đà Nẵng                    | Giáo viên Văn hóa          | Đại học             | Tin học và Công<br>nghệ |                                    |                         |         |

Danh sách này có tổng cộng 62 người./.

UBND PHƯỜNG HÒA CƯỜNG  
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG  
HỢP ĐỒNG GIÁO VIÊN  
NĂM HQC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục III  
DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ TUYỂN DỤNG HỢP ĐỒNG GIÁO VIÊN TẠI CÁC TRƯỜNG CÔNG LẬP  
THUỘC UBND PHƯỜNG HÒA CƯỜNG NĂM HỌC 2025 - 2026  
BẬC: TRUNG HỌC CƠ SỞ

(Kèm theo Thông báo số: /TB-HĐTD ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng hợp đồng giáo viên phường Hòa Cường)

| STT | Số báo danh    | Họ và tên           | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu thường trú                                | Vị trí đăng ký dự tuyển | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành đào tạo | Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm | Đối tượng ưu tiên | Ghi chú |
|-----|----------------|---------------------|---------------------|-----------|---------------------------------------------------|-------------------------|------------------|----------------------|-----------------------------|-------------------|---------|
| I   | GIÁO VIÊN TOÁN |                     |                     |           |                                                   |                         |                  |                      |                             |                   |         |
| 1   | 001            | Trần Thiên Ân       | 29/05/2001          | Nam       | K140/31 Nguyễn Chánh, Hòa Khánh, Đà Nẵng          | Giáo viên Toán          | Đại học          | Sư phạm Toán học     |                             |                   |         |
| 2   | 002            | Võ Lê Minh Anh      | 11/03/1997          | Nữ        | K113/43 Nguyễn Chí Thanh, Đà Nẵng                 | Giáo viên Toán          | Đại học          | Sư phạm Toán học     |                             |                   |         |
| 3   | 003            | Hồ Thị Ngọc Ánh     | 17/08/2003          | Nữ        | Thôn 6, xã Chư Prong, tỉnh Gia Lai                | Giáo viên Toán          | Đại học          | Sư phạm Toán học     |                             |                   |         |
| 4   | 004            | Nguyễn Thị Bảo Châu | 14/11/1997          | Nữ        | 15 Đội Cấn, Cẩm Lệ                                | Giáo viên Toán          | Đại học          | Sư phạm Toán học     |                             |                   |         |
| 5   | 005            | Lê Thị Thu Diễm     | 29/07/2000          | Nữ        | 24 Vũ Quỳnh, Thanh Khê, Đà Nẵng                   | Giáo viên Toán          | Đại học          | Sư phạm Toán học     |                             |                   |         |
| 6   | 006            | Võ Tiến Huy Đông    | 22/10/2001          | Nam       | K31/6/2 Mẹ Nhu, Thanh Khê, Đà Nẵng                | Giáo viên Toán          | Đại học          | Sư phạm Toán học     |                             |                   |         |
| 7   | 007            | Lê Quốc Hoàng       | 09/03/1998          | Nam       | Tổ 7 Thanh Khê Tây, Thanh Khê, Đà Nẵng            | Giáo viên Toán          | Đại học          | Sư phạm Toán học     |                             |                   |         |
| 8   | 008            | Ngô Thị Thanh Huyền | 11/01/2002          | Nữ        | Tổ 6, phường Cẩm Lệ, Đà Nẵng                      | Giáo viên Toán          | Đại học          | Sư phạm Toán học     |                             |                   |         |
| 9   | 009            | Phạm Gia Huy        | 28/05/2002          | Nam       | K94/60 Trần Xuân Lê, phường Thanh Khê, TP Đà Nẵng | Giáo viên Toán          | Đại học          | Sư phạm Toán học     |                             |                   |         |

| STT | Số<br>báo<br>danh | Họ và tên              | Ngày tháng<br>năm sinh | Giới<br>tính | Hộ khẩu thường trú                        | Vị trí đăng ký dự<br>tuyển | Trình độ<br>đào tạo | Chuyên ngành đào<br>tạo        | Chứng chỉ<br>nghề nghiệp vụ<br>sư phạm | Đối tượng<br>ưu tiên | Ghi chú |
|-----|-------------------|------------------------|------------------------|--------------|-------------------------------------------|----------------------------|---------------------|--------------------------------|----------------------------------------|----------------------|---------|
| 10  | 010               | Nguyễn Đức Khôi        | 12/09/2003             | Nam          | 36 Nhơn Hòa 1, An Khê, Đà Nẵng            | Giáo viên Toán             | Đại học             | Sư phạm Toán học               |                                        |                      |         |
| 11  | 011               | Hoàng My               | 08/02/2002             | Nữ           | 954 Trường Chinh, An Khê, Đà Nẵng         | Giáo viên Toán             | Đại học             | Sư phạm Toán học               |                                        |                      |         |
| 12  | 012               | Nguyễn Diệp Kiều My    | 14/2/1996              | Nữ           | 161 Hồ Ty, Hòa Xuân, Đà Nẵng              | Giáo viên Toán             | Đại học             | Sư phạm Toán học               |                                        |                      |         |
| 13  | 013               | Nguyễn Thị Hồng Nhung  | 08/11/2003             | Nữ           | H34/16 K717 Tôn Đản, An Khê, Đà Nẵng      | Giáo viên Toán             | Đại học             | Sư phạm Toán học               |                                        |                      |         |
| 14  | 014               | Nguyễn Trần Hoàng Oanh | 23/08/1994             | Nữ           | K1120/18/11 Trường Chinh, Cẩm Lệ, Đà Nẵng | Giáo viên Toán             | Đại học             | Sư phạm Toán học               |                                        |                      |         |
| 15  | 015               | Phạm Đào Hiếu Phong    | 08/06/2003             | Nam          | 03 Tôn Đản, Đà Nẵng                       | Giáo viên Toán             | Đại học             | Sư phạm Toán học               |                                        |                      |         |
| 16  | 016               | Trần Thị Mỹ Phương     | 02/10/2002             | Nữ           | K81/8 Phạm Như Xương, Hòa Khánh           | Giáo viên Toán             | Đại học             | Sư phạm Toán<br>Toán Giải tích |                                        |                      |         |
| 17  | 017               | Trần Thị Ngọc Phương   | 05/02/2002             | Nữ           | Xã Bờ Y, tỉnh Quảng Ngãi                  | Giáo viên Toán             | Đại học             | Sư phạm Toán học               |                                        |                      |         |
| 18  | 018               | Lê Viết Quý            | 20/11/1993             | Nam          | Tổ 8 phường Cẩm Thành, Quảng Ngãi         | Giáo viên Toán             | Đại học             | Sư phạm Toán học               |                                        |                      |         |
| 19  | 019               | Hoàng Thị Diễm Quỳnh   | 25/12/2002             | Nữ           | 162/10 Đồng Đa, Đà Nẵng                   | Giáo viên Toán             | Đại học             | Sư phạm Toán học               |                                        |                      |         |
| 20  | 020               | Trần Văn Tâm           | 08/06/2003             | Nam          | Tổ 12 Hòa Khánh Bắc, Liên Chiểu, Đà Nẵng  | Giáo viên Toán             | Đại học             | Sư phạm Toán học               |                                        |                      |         |
| 21  | 021               | Võ Thị Huyền Trang     | 16/09/1995             | Nữ           | Số 513 Âu Cơ, Liên Chiểu, Đà Nẵng         | Giáo viên Toán             | Đại học             | Sư phạm Toán học               |                                        |                      |         |
| 22  | 022               | Đỗ Quang Trí           | 26/05/2000             | Nam          | 41 An Nhơn 7, An Hải, Đà Nẵng             | Giáo viên Toán             | Đại học             | Sư phạm Toán học               |                                        | Con TB 4/4           |         |
| 23  | 023               | Đỗ Phương Trinh        | 30/12/2003             | Nữ           | K202/61 Hoàng Văn Thái, Đà Nẵng           | Giáo viên Toán             | Đại học             | Sư phạm Toán học               |                                        |                      |         |
| 24  | 024               | Phạm Duy Tú            | 05/08/1992             | Nam          | Bồ Bản, Hòa Vang, Đà Nẵng                 | Giáo viên Toán             | Đại học             | Toán - Tin                     | x                                      |                      |         |

| STT | Số<br>bảo<br>danh | Họ và tên             | Ngày tháng<br>năm sinh | Giới<br>tính | Hộ khẩu thường trú                                 | Vị trí đăng ký dự<br>tuyển | Trình độ<br>đào tạo | Chuyên ngành đào<br>tạo | Chứng chỉ<br>nghệ vụ<br>sư phạm | Đối tượng<br>ưu tiên | Ghi chú |
|-----|-------------------|-----------------------|------------------------|--------------|----------------------------------------------------|----------------------------|---------------------|-------------------------|---------------------------------|----------------------|---------|
| 25  | 025               | Nguyễn Thị Kiều Vân   | 04/08/1998             | Nữ           | K44/6 Nguyễn Thành Hân,<br>Hòa Cường, Đà Nẵng      | Giáo viên Toán             | Thạc sĩ             | Đại số và lý thuyết số  | x                               |                      |         |
| 26  | 026               | Phạm Xuân Ái Vy       | 27/11/2002             | Nữ           | Chung cư 12T3, Bùi Dương<br>Lịch, Sơn Trà, Đà Nẵng | Giáo viên Toán             | Đại học             | Sư phạm Toán học        |                                 |                      |         |
| 27  | 027               | Nguyễn Hiền Xinh      | 12/04/1994             | Nữ           | H2/9 K233 Trưng Nữ Vương,<br>Đà Nẵng               | Giáo viên Toán             | Đại học             | Toán ứng dụng           | x                               |                      |         |
| 28  | 028               | Trần Phúc Như Ý       | 22/08/2002             | Nữ           | 166/25 Hùng Vương, Hải<br>Châu, Đà Nẵng            | Giáo viên Toán             | Đại học             | Sư phạm Toán học        |                                 |                      |         |
| 29  | 029               | Lê Thị Hải Yến        | 14/01/2002             | Nữ           | Quá Giáng 2, phường Hòa<br>Xuân, TP Đà Nẵng        | Giáo viên Toán             | Đại học             | Sư phạm Toán học        |                                 |                      |         |
| II  | GIÁO VIÊN NGŨ VĂN |                       |                        |              |                                                    |                            |                     |                         |                                 |                      |         |
| 30  | 030               | Hứa Văn Bảo           | 27/12/2001             | Nam          | 39/11 Trương Chí Cương, Hòa<br>Cường, Đà Nẵng      | Giáo viên Ngữ văn          | Đại học             | Sư phạm Ngữ Văn         |                                 |                      |         |
| 31  | 031               | Văn Thảo Đoan         | 23/5/2003              | Nữ           | 122/23 Phan Thanh, Đà Nẵng                         | Giáo viên Ngữ văn          | Đại học             | Sư phạm Ngữ Văn         |                                 |                      |         |
| 32  | 032               | Võ Ngọc Hân           | 28/02/2003             | Nữ           | 36 Phan Bội, An Hải, Đà<br>Nẵng                    | Giáo viên Ngữ văn          | Đại học             | Sư phạm Ngữ Văn         |                                 |                      |         |
| 33  | 033               | Bùi Khánh Linh        | 21/5/2003              | Nữ           | 167 Hoàng Châu Ký, Hòa<br>Xuân, Đà Nẵng            | Giáo viên Ngữ văn          | Đại học             | Sư phạm Ngữ Văn         |                                 |                      |         |
| 34  | 034               | Tu Phan Thảo Nhi      | 22/6/2002              | Nữ           | K133/6b Nguyễn Văn Linh<br>Hải Châu                | Giáo viên Ngữ văn          | Đại học             | Sư phạm Ngữ Văn         |                                 |                      |         |
| 35  | 035               | Đậu Thị Oanh          | 26/1/1994              | Nữ           | 441 Trường Sơn, Cẩm Lệ, Đà<br>Nẵng                 | Giáo viên Ngữ văn          | Đại học             | Sư phạm Ngữ Văn         |                                 |                      |         |
| 36  | 036               | Nguyễn Thị Diễm Quỳnh | 10/09/1995             | Nữ           | 1/23 Nhật Lệ, Phú Xuân, Huế                        | Giáo viên Ngữ văn          | Đại học             | Sư phạm Ngữ Văn         |                                 |                      |         |
| 37  | 037               | Trần Thị Phương Thảo  | 13/06/1999             | Nữ           | K442/30/19 Hoàng Diệu, Đà<br>Nẵng                  | Giáo viên Ngữ văn          | Đại học             | Văn học                 | x                               |                      |         |
| 38  | 038               | Lê Hồng Bảo Trinh     | 04/03/2003             | Nữ           | 323 Phạm Như Xương, Liên<br>Chiểu, Đà Nẵng         | Giáo viên Ngữ văn          | Đại học             | Sư phạm Ngữ Văn         |                                 |                      |         |
| III | GIÁO VIÊN ANH VĂN |                       |                        |              |                                                    |                            |                     |                         |                                 |                      |         |

| STT                                   | Số<br>báo<br>danh | Họ và tên            | Ngày tháng<br>năm sinh | Giới<br>tính | Hộ khẩu thường trú                      | Vị trí đăng ký dự<br>tuyển     | Trình độ<br>đào tạo | Chuyên ngành đào<br>tạo      | Chứng chỉ<br>nghề nghiệp vụ<br>sư phạm | Đối tượng<br>ưu tiên | Ghi chú |
|---------------------------------------|-------------------|----------------------|------------------------|--------------|-----------------------------------------|--------------------------------|---------------------|------------------------------|----------------------------------------|----------------------|---------|
| 39                                    | 039               | Trần Thị Hoàng Anh   | 16/02/1994             | Nữ           | 76 Đỗ Đăng Tuyển, Cẩm Lệ,<br>Đà Nẵng    | Giáo viên Anh văn              | Đại học             | Ngôn ngữ Anh                 | x                                      |                      |         |
| 40                                    | 040               | Trần Thị Thùy Dung   | 25/12/1995             | Nữ           | 478 Núi Thành, Hòa Cường,<br>Đà Nẵng    | Giáo viên Anh văn              | Đại học             | Ngôn ngữ Anh                 | x                                      |                      |         |
| 41                                    | 041               | Phạm Thị Thái Hà     | 22/9/2003              | Nữ           | Ngũ Hành Sơn, ĐN                        | Giáo viên Anh văn              | Đại học             | Sư phạm Tiếng Anh            |                                        |                      |         |
| 42                                    | 042               | Hà Thị Mỹ Ngân       | 16/3/2003              | Nữ           | Khối phố Phong Ngũ, An<br>Thắng         | Giáo viên Anh văn              | Đại học             | Sư phạm Tiếng Anh            |                                        |                      |         |
| 43                                    | 043               | Lê Hà Ngân           | 25/5/2003              | Nữ           | 85 Nguyễn Dữ                            | Giáo viên Anh văn              | Đại học             | Sư phạm Tiếng Anh            |                                        |                      |         |
| 44                                    | 044               | Lê Nguyễn Hồng Phúc  | 23/03/2003             | Nữ           | Tổ 23C, Thanh Khê, Đà Nẵng              | Giáo viên Anh văn              | Đại học             | Sư phạm Tiếng Anh            |                                        |                      |         |
| 45                                    | 045               | Cao Nữ Huyền Trâm    | 20/4/2001              | Nữ           | K54/17 Nguyễn Thành Hân<br>Hòa Cường    | Giáo viên Anh văn              | Đại học             | AV Biên-phiên dịch           | x                                      |                      |         |
| <b>IV GIÁO VIÊN KHOA HỌC TỰ NHIÊN</b> |                   |                      |                        |              |                                         |                                |                     |                              |                                        |                      |         |
| 46                                    | 046               | Nguyễn Hoàng Bảo An  | 19/6/2000              | Nữ           | 31 Võ Như Hưng, NHS                     | Giáo viên Khoa học<br>tự nhiên | Đại học             | Sư phạm Hóa                  | x                                      |                      |         |
| 47                                    | 047               | Nguyễn Việt Hà       | 19/03/2003             | Nữ           | 51 Đoàn Khuê, Ngũ Hành<br>Sơn, Đà Nẵng  | Giáo viên Khoa học<br>tự nhiên | Đại học             | Sư phạm Khoa học<br>tự nhiên |                                        |                      |         |
| 48                                    | 048               | Nguyễn Thị Xuân Hạnh | 07/08/2003             | Nữ           | Thôn Quá Giáng 2, Hòa Xuân,<br>Đà Nẵng  | Giáo viên Khoa học<br>tự nhiên | Đại học             | Sư phạm Khoa học<br>tự nhiên |                                        |                      |         |
| 49                                    | 049               | Ngô Thị Ngọc Hiền    | 02/05/2003             | Nữ           | Hòa Châu, Hòa Vang, Đà<br>Nẵng          | Giáo viên Khoa học<br>tự nhiên | Đại học             | Sư phạm Khoa học<br>tự nhiên |                                        |                      |         |
| 50                                    | 050               | Nguyễn Thị Hương     | 21/5/2003              | Nữ           | 206 Phan Huy Thực, Sơn Trà              | Giáo viên Khoa học<br>tự nhiên | Đại học             | Sư phạm Khoa học<br>tự nhiên |                                        |                      |         |
| 51                                    | 051               | Nguyễn Gia Huy       | 18/3/2003              | Nam          | 233 Ỗ Lan Nguyên Phi,<br>Hòa Cường      | Giáo viên Khoa học<br>tự nhiên | Đại học             | Sư phạm Khoa học<br>tự nhiên |                                        |                      |         |
| 52                                    | 052               | Lê Thị Hà My         | 27/09/2003             | Nữ           | Khối Hà Mỹ Đông A, Điện<br>Bàn, Đà Nẵng | Giáo viên Khoa học<br>tự nhiên | Đại học             | Sư phạm Khoa học<br>tự nhiên |                                        |                      |         |



| STT       | Số<br>báo<br>danh                  | Họ và tên             | Ngày tháng<br>năm sinh | Giới<br>tính | Hộ khẩu thường trú                     | Vị trí đăng ký dự<br>tuyển  | Trình độ<br>đào tạo | Chuyên ngành đào<br>tạo   | Chứng chỉ<br>nghề nghiệp vụ<br>sư phạm | Đối tượng<br>ưu tiên   | Ghi chú |
|-----------|------------------------------------|-----------------------|------------------------|--------------|----------------------------------------|-----------------------------|---------------------|---------------------------|----------------------------------------|------------------------|---------|
| 53        | 053                                | Phan Thị Huỳnh Na     | 16/06/2003             | Nữ           | 155 Mẹ Thứ, Hòa Xuân, Đà Nẵng          | Giáo viên Khoa học tự nhiên | Đại học             | Sư phạm Khoa học tự nhiên |                                        |                        |         |
| 54        | 054                                | Phan Tú Nga           | 08/05/2003             | Nữ           | La Bông, Hòa Tiến                      | Giáo viên Khoa học tự nhiên | Đại học             | Sư phạm Khoa học tự nhiên |                                        |                        |         |
| 55        | 055                                | Nguyễn Thị Tuyết Nhi  | 19/12/2003             | Nữ           | K90A/16 Phan Thanh, Thanh Khê, Đà Nẵng | Giáo viên Khoa học tự nhiên | Đại học             | Sư phạm Khoa học tự nhiên |                                        |                        |         |
| 56        | 056                                | Bùi Thị Nguyên Phương | 22/12/2002             | Nữ           | K408/25/3 Tôn Đản, An Khê, Đà Nẵng     | Giáo viên Khoa học tự nhiên | Đại học             | Sư phạm Khoa học tự nhiên |                                        |                        |         |
| 57        | 057                                | Đặng Lê Phương Thảo   | 10/12/2003             | Nữ           | 51 Triệu Quốc Đạt, Cẩm Lệ, Đà Nẵng     | Giáo viên Khoa học tự nhiên | Đại học             | Sư phạm Khoa học tự nhiên |                                        |                        |         |
| 58        | 058                                | Bùi Yến Mai Thiên     | 31/12/2003             | Nữ           | 124 Huỳnh Tấn Phát, Cẩm Lệ             | Giáo viên Khoa học tự nhiên | Đại học             | Sư phạm Khoa học tự nhiên |                                        | Con Thương binh hạng 4 |         |
| 59        | 059                                | Nguyễn Thị Thủy Tiên  | 01/04/2001             | Nữ           | Yến Nê 1, Hòa tiến                     | Giáo viên Khoa học tự nhiên | Đại học             | Sư phạm Hóa               | x                                      |                        |         |
| 60        | 060                                | Phạm Thị Kim Yến      | 17/06/2003             | Nữ           | K65/H12/01 Phạm Ngũ Lão                | Giáo viên Khoa học tự nhiên | Đại học             | Sư phạm Khoa học tự nhiên |                                        |                        |         |
| <b>V</b>  | <b>GIÁO VIÊN ÂM NHẠC</b>           |                       |                        |              |                                        |                             |                     |                           |                                        |                        |         |
| 61        | 061                                | Trà Vĩnh Phúc         | 02/12/1988             | Nam          | 865/4 Ngô Quyền, ĐN                    | Giáo viên Âm nhạc           | Đại học             | Sư phạm âm nhạc           |                                        |                        |         |
| 62        | 062                                | Lê Thị Phương Thảo    | 15/04/2002             | Nữ           | Thôn Bến Đền, xã Gò Nổi, TP Đà Nẵng    | Giáo viên Âm nhạc           | Đại học             | Sư phạm âm nhạc           |                                        |                        |         |
| <b>VI</b> | <b>GIÁO VIÊN GIÁO DỤC CÔNG DÂN</b> |                       |                        |              |                                        |                             |                     |                           |                                        |                        |         |
| 63        | 063                                | Huỳnh Thị Thiên Kim   | 03/05/2001             | Nữ           | K123/h70/01 Cù Chính Lan, Thanh Khê    | Giáo viên Giáo dục công dân | Đại học             | Giáo dục Chính trị        |                                        |                        |         |
| 64        | 064                                | Võ Hồng Nhung         | 13/11/1990             | Nữ           | 132 Trung Lương Hòa Xuân               | Giáo viên Giáo dục công dân | Đại học             | Giáo dục Chính trị        |                                        |                        |         |
| 65        | 065                                | Nguyễn Minh Thảo      | 11/09/2003             | Nữ           | 95/8 Lê Đình Lý, Thanh Khê, Đà Nẵng    | Giáo viên Giáo dục công dân | Đại học             | Giáo dục công dân         |                                        |                        |         |



| STT | Số<br>báo<br>danh | Họ và tên         | Ngày tháng<br>năm sinh | Giới<br>tính | Hộ khẩu thường trú        | Vị trí đăng ký dự<br>tuyển      | Trình độ<br>đào tạo | Chuyên ngành đào<br>tạo | Chứng chỉ<br>nghề nghiệp vụ<br>sư phạm | Đối tượng<br>ưu tiên | Ghi chú |
|-----|-------------------|-------------------|------------------------|--------------|---------------------------|---------------------------------|---------------------|-------------------------|----------------------------------------|----------------------|---------|
| 78  | 078               | Lê Nhật<br>Phuong | 18/1/2002              | Nữ           | K221/7/1a Tôn Dân, An Khê | Giáo viên Tổng Phụ<br>trách đội | Đại học             | Sư phạm Hóa học         | x                                      |                      |         |

Danh sách này có tổng cộng 78 người./.